

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TIÊN HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 177 /QĐ-UBND

Tiên Hội, ngày 03 tháng 08 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách xã Tiên Hội năm 2022 được  
HĐND xã phê chuẩn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TIÊN HỘI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ thông tư 343/2016/ TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số: 05/NQ-HĐND của HĐND xã Tiên Hội ngày 14/7/2023 về việc phê chuẩn quyết toán thu chi ngân sách xã Tiên Hội năm 2022;*

Xét đề nghị của ban tài chính xã Tiên Hội;

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách xã Tiên Hội năm 2022 được hội đồng nhân dân xã phê chuẩn.

*( Có phụ biểu số 116/CKTC-NSNN, số 117/CKTC-NSNN, số 118/CKTC-NSNN 119/CKTC-NSNN, 120/CKTC-NSNN kèm theo )*

**Điều 2.** Quyết định công khai tại trụ sở UBND xã, tại hội nghị cơ quan, công khai trên trang thông tin điện tử, cụm loa truyền thanh và tại nhà văn hóa các xóm.

**Điều 3:** Văn phòng Ủy ban nhân dân, Ban tài chính, các ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã; HĐND xã
- Các ban ngành đoàn thể
- Các trường xóm
- Lưu như điều 3;

**CHỦ TỊCH**

**Trần Đức Quý**

UBND XÃ TIÊN HỘI

Biểu số 116/CK TC-NSNN

**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>14.613.423</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>14.015.646</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	406.842	I. Chi đầu tư phát triển	6.540.686
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ <sup>(1)</sup>	682.729	II. Chi thường xuyên	5.956.217
III. Thu bổ sung	12.100.134	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	1.286.983
- Bổ sung cân đối	4.489.283		
- Bổ sung có mục tiêu	7.610.851		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	789.199	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	231.760
V. Thu nhân dân đóng góp XD CSHT	12.800		
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	621.719		
<b>Kết dư ngân sách</b>	<b>597.777</b>		

UBND XÃ TIỀN HỘI

Biểu số 117/CK TC-NSNN

**QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU</b>	<b>6.421.736</b>	<b>6.421.736</b>	<b>14.613.423</b>	<b>14.613.423</b>	<b>228</b>	<b>228</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>535.000</b>	<b>535.000</b>	<b>547.673</b>	<b>547.673</b>	<b>102</b>	<b>102</b>
	Phí, lệ phí	70.000	70.000	64.549	64.549	92	92
	Thuế giá trị gia tăng hộ cố định	415.000	415.000	406.842	406.842	98	98
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng			12.800	12.800		
	Thu khác	50.000	50.000	63.482	63.482	127	127
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>1.003.000</b>	<b>1.003.000</b>	<b>554.698</b>	<b>554.698</b>	<b>55</b>	<b>55</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu phân chia</b>	<b>1.003.000</b>	<b>1.003.000</b>	<b>554.698</b>	<b>554.698</b>	<b>55</b>	<b>55</b>
	- Thuế thu nhập từ chuyển nhượng BĐS và SXKD	883.000	883.000	0	0	0	0
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			82.054	82.054		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	120.000	120.000	472.644	472.644	394	394
<b>III</b>	<b>Thu quản lý ngân sách</b>			<b>0</b>	<b>0</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>	<b>488.254</b>	<b>488.254</b>	<b>621.719</b>	<b>621.719</b>		
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>	<b>789.199</b>	<b>789.199</b>	<b>789.199</b>	<b>789.199</b>		
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>3.606.283</b>	<b>3.606.283</b>	<b>12.100.134</b>	<b>12.100.134</b>	<b>336</b>	<b>336</b>
	- Thu bổ sung cân đối	3.606.283	3.606.283	4.489.283	4.489.283	124	124
	- Thu bổ sung có mục tiêu	0	0	7.610.851	7.610.851		

UBND XÃ TIỀN HỘI

Biểu số 118/CK TC-NSNN



**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**  
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			So sánh QT/DT		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>4.985.955</b>	<b>0</b>	<b>4.985.955</b>	<b>14.015.645</b>	<b>6.540.685</b>	<b>7.474.960</b>	<b>281</b>		<b>150</b>
	Trong đó				0		0	0		
1	Chi sự nghiệp kinh tế	31.500		31.500	0		0	0		0
2	Chi y tế	70.000		70.000	69.732		69.732	100		100
4	Chi văn hóa, thông tin	31.500		31.500	296.680		296.680	942		942
5	Chi phát thanh, truyền thanh				0		0	0		
6	Chi thể dục thể thao	22.500		22.500	19.735		19.735	88		88
7	Chi DQTV	464.750		464.750	509.237		509.237	110		110
8	Chi QPAN	317.250		317.250	347.458		347.458	110		110
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	2.462.674		2.462.674	12.580.168		6.039.483	245		245
10	Chi cho công tác xã hội	150.000		150.000	124.575		124.575	83		83
11	Dự phòng + tiếp kiệm chi	158.328		158.328	0		0	0		0
12	Chi chuyển nguồn năm trước chuyển sang	488.254		488.254	68.060		68.060	0		
13	Chi kết dư năm trước	789.199		789.199						
14	Chi nộp trả ngân sách cấp huyện				231.760		231.760			
15	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau				1.286.983		1.286.983			

UBND XÃ TIÊN HỘI

Biểu số 119/CK TC-NSNN



**QUYẾT TOÁN CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN<sup>(1)</sup> NĂM 2022**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01/ đến 31/12 2022	Giá trị đã thanh toán năm 2022			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
<b>TỔNG SỐ</b>								
<b>I. Công trình chuyển tiếp</b>					<b>16.570.951</b>	<b>16.570.951</b>		
Nâng cấp đường vào trạm y tế xã Tiên Hội (vị trí mới)					1.927.293		1.927.293	
Khu thể thao xã Tiên Hội huyện Đại Từ, hạng mục: Sân nền, cống thoát nước, sân khấu					500.000		500.000	
Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã, hạng mục: Sân, bồn hoa, nhà vệ sinh					1.100.000		1.100.000	
Tuyến đường đầu nối cầu Sỏi Chè sang đường liên xã Tiên Hội-Bản Ngoại					1.800.000		1.800.000	
Đường giao thông vào vùng SXTT HTX Tiên Trường 3 (giai đoạn 2)					440.000		440.000	
Đường GTNT xã Tiên Hội năm 2021, HM: Đường BTXM xóm Phúc Lâm, xóm Tiên Trường 1, xóm Đồng Mạc					165.958		165.958	
Đường GTNT xã Tiên Hội năm 2020 (gói 2), HM: Đường BTXM xóm Tiên Trường 2					35.226		35.226	



Đường GTNT xã Tiên Hội năm 2020, HM: Đường BTXM xóm Trưng Nà, xóm Đồng Chung, xóm Tiên Trường 1, xóm Thắng Lợi					106.478		106.478	
Đường GTNT xã Tiên Hội năm 2021 (gói 4), HM: Đường BTXM xóm Tiên Trường 1					70.105		70.105	
Đường GTNT xã Tiên Hội năm 2021 (gói 2), HM: Đường BTXM xóm Lập Mỹ, xóm Đồng Mạc, xóm Đại Quyết					176.687		176.687	
Đường GTNT xã Tiên Hội năm 2021 (gói 1),					41.009		41.009	
Đường GTNT xã Tiên Hội năm 2021 (gói 5), HM: Đường BTXM xóm Đồng Mạc, xóm Tiên Trường 1, xóm Tiên Trường 2, xóm Đại Quyết					177.924		177.924	

## THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2022			THỰC HIỆN NĂM 2022		
	THU	CHI	CHÈNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÈNH LỆCH (+) (-)
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>132.716.791</b>	<b>132.716.791</b>	<b>3.079.980</b>
<b>I. Hoạt động quỹ công chuyên dùng</b>	<b>265.000</b>	<b>265.000</b>	<b>0</b>	<b>367.408</b>	<b>79.027</b>	<b>-4.075</b>
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	30.000	30.000	0	196.198	192.587	3.611
Quỹ bảo trợ trẻ em	30.000	30.000	0	28.486	20.780	7.706
Quỹ người nghèo	30.000	30.000	0	34.395	36.560	-2.165
Quỹ người cao tuổi	30.000	30.000	0	18.769	36.749	-17.980
Quỹ khuyến học	30.000	30.000	0	14.608	14.500	108
Quỹ nhân đạo	30.000	30.000	0	14.488	9.900	4.588
Ứng hộ tết vì người nghèo	40.000	40.000	0	10.000	0	10.000
Quỹ phòng chống dịch Covid	25.000	25.000	0	34.252	52.915	-18.663
Quỹ phòng chống thiên tai	20.000	20.000		16.212	16.212	0

**BÁO CÁO CÔNG KHAI THUYẾT MINH**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2022**  
(Kèm theo quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 03 tháng 08 năm 2023 )  
**I. Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách năm 2022**  
**1. Thu, chi ngân sách**

Chi tiêu	Dự toán cấp trên giao	Số liệu quyết toán đã được cấp có TQ thông qua	Số thẩm định quyết toán	So sánh	
				Số tương đối	Số tuyệt đối
1	2	3	4	5=4/2	6=4-2
<b>A. Phần thu</b>	<b>5.632.537.000</b>	<b>14.613.423.801</b>	<b>14.613.423.801</b>	<b>259,45</b>	<b>8.980.886.801</b>
<b>I. Tổng thu cân đối</b>	<b>655.000.000</b>	<b>1.089.570.904</b>	<b>1.089.570.904</b>	<b>166,35</b>	<b>434.570.904</b>
1. Phí, lệ phí	70.000.000	73.912.079	73.912.079	105,59	3.912.079
2. Thuế thu nhập cá nhân	0	0	0		0
3. Lệ phí trước bạ	120.000.000	472.644.438	472.644.438	393,87	352.644.438
4. Thuế GTGT	415.000.000	406.842.064	406.842.064	98,03	-8.157.936
5. Thu khác tại xã	50.000.000	23.217.850	23.217.850	46,44	-26.782.150
6. Thuế sử dụng đất PNN	0	82.054.473	82.054.473		82.054.473
7. Lệ phí môn bài	0	30.900.000	30.900.000		30.900.000
<b>II. Thu kết dư ngân sách</b>	<b>0</b>	<b>789.199.225</b>	<b>789.199.225</b>		<b>789.199.225</b>
<b>III. Thu nhân dân đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng</b>	<b>0</b>	<b>12.800.000</b>	<b>12.800.000</b>	<b>0</b>	<b>12.800.000</b>
<b>IV. Thu chuyển nguồn</b>	<b>488.254.000</b>	<b>621.719.762</b>	<b>621.719.762</b>	<b>0</b>	<b>133.465.762</b>
<b>V. Thu trợ cấp</b>	<b>4.489.283.000</b>	<b>12.100.133.910</b>	<b>12.100.133.910</b>	<b>269,53</b>	<b>7.610.850.910</b>
1. Trợ cấp cân đối	4.489.283.000	1.309.737.000	1.309.737.000	29,17	-3.179.546.000
2. Trợ cấp mục tiêu		10.790.396.910	10.790.396.910		10.790.396.910
<b>B. Phần chi</b>	<b>5.632.537.000</b>	<b>12.728.662.785</b>	<b>14.015.646.091</b>	<b>225,98</b>	<b>7.096.125.785</b>
1. Chi đầu tư phát triển		6.540.685.636	6.540.685.636		6.540.685.636
2. Chi thường xuyên	4.985.955.000	4.900.993.843	5.956.217.149		
3. Chi chuyển trả ngân sách cấp trên			231.760.000		
3. Dự phòng	95.000.000			0,00	-95.000.000
4. Tiết kiệm chi	63.328.000			0,00	-63.328.000
5. Chi chuyển nguồn	488.254.000	1.286.983.306	1.286.983.306	263,59	798.729.306



Tổng thu cân đối ngân sách xã được hưởng trong năm bằng 166,3% dự toán giao. Trong đó: Tăng thu ngân sách là: **434.570.904** đồng. Ủy ban nhân dân xã đã dành 70% tăng thu để tạo nguồn cải cách tiền lương: 304.199.700 đồng; Số còn lại xã đã dùng để chi cho công tác phòng chống dịch Covid 19: 130.371.204 đồng.

## **2. Dự phòng ngân sách**

Dự toán giao: 85.839.440 đồng; Đã chi cho công tác phòng chống dịch covid19: 85.839.440 đồng; Tồn: 0 đồng.

Về cơ bản UBND xã đã thực hiện chi dự phòng chi cho công tác phòng chống dịch covid 19 chưa có trong dự toán đầu năm phù hợp quy định Luật NSNN.

## **3. Nguồn cải cách tiền lương: 1.185.174.462 đồng.**

- Số tồn năm 2021 chuyển sang: 514.789.762 đồng
- 10% giao trong năm 2022: 63.328.000 đồng
- 70% trích từ nguồn kết dư năm 2021 chuyển sang 2022: 302.857.000 đồng
- 70% nguồn tăng thu từ nguồn CCTL năm 2022: 304.199.700 đồng

## **4. Kết dư ngân sách năm 2022 chuyển sang năm 2023: 597.777.710 đồng**

**Trong đó:**

- Nhân dân đóng góp xây dựng đường bê tông: 162.460.000 đồng
- Xi măng chưa chuyển: 160.407.520 đồng
- Quy hoạch nghĩa trang: 100.000.000 đồng
- 30% tăng thu ngân sách: 130.371.204 đồng
- Chi thường xuyên: 44.538.986 đồng

## **5. Kinh phí chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023: 1.286.983.306 đồng.**

- Nguồn cải cách tiền lương năm 2022 chuyển sang: 1.185.174.462 đồng
- Chuyển nguồn kinh phí chi trả chế độ tăng thêm theo NĐ 108/NĐ-CP ngày 07/12/2021: 29.102.000 đồng
- Nâng cấp đường vào trạm y tế xã Tiên Hội: 72.706.844 đồng.

## **6. Nguồn an sinh xã hội**

**\* Kinh phí chi cho công tác phòng chống dịch Covid: 276.839.440 đồng**

+ Trong đó:

- Sử dụng nguồn dự phòng của xã là: 85.839.440 đồng.
- Nguồn NS huyện hỗ trợ năm 2022: 171.300.000 đồng
- Nguồn NS xã: 19.700.000 đồng

Nhìn chung, năm 2022 tình hình thu- chi ngân sách đảm bảo dự toán HĐND xã giao đầu năm 2022.

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện quyết toán ngân sách địa phương năm 2022, UBND xã Tiên Hội trân trọng báo cáo./